TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST.
Ngày: 07-01-2022
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Duy Trâm và ông Bùi Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Đông – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên toà:* Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp quyền sở hữu đối với tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1978. Địa chỉ: Xóm M, xã B, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Đều có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Văn S, sinh năm 1974. Địa chỉ: đường P, Tổ B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Hợp đồng ủy quyền ngày 17-11-2020. Vắng mặt.

Bị đơn:

1. Vợ chồng ông K'B, sinh năm 1987 và bà Ka L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn C, thôn Hàng P, xã B, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Đều vắng mặt.

2. Bà Ka D, sinh năm 1966. Địa chỉ: thôn K, xã B, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11-11-2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 20-5-2021 và các tài liệu chứng cứ, của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Văn S đều trình bày:

1. Ngày 24-11-2016 vợ chồng ông K'B, bà Ka L vay của vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay trả nợ ngân hàng, không thoả thuận lãi suất, không thoả thuận thời hạn trả nợ. Sau khi nhận tiền có viết giấy và ký nhận.

2. Ngày 24-11-2016 vợ chồng ông K'B, bà Ka L cùng bà Ka D vay của vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S 2.000 kg cà phê nhân Robusta khô trị giá 80.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền có viết giấy và ký nhận, hẹn tháng 12/2016 dương lịch trả.

3. Ngày 25-11-2016 vợ chồng ông K'B, bà Ka L vay của vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay trả nợ ngân hàng, không thoả thuận lãi suất, không thoả thuận thời hạn trả nợ. Sau khi nhận tiền có viết giấy và ký nhận.

4. Ngày 29-11-2016 vợ chồng ông K'B, bà Ka L vay của vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S 1.000 kg cà phê nhân Robusta khô trị giá 40.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền có viết giấy và ký nhận, hẹn tháng 12-2016 dương lịch trả.

5. Ngày 01-12-2016 vợ chồng ông K'B, bà Ka L vay của vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay trả nợ ngân hàng, không thoả thuận lãi suất, không thoả thuận thời hạn trả. Sau khi nhận tiền có viết giấy và ký nhận.

6. Ngày 01-12-2016 vợ chồng ông K'B, bà Ka L vay của vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S 500 kg cà phê Robusta nhân khô trị giá 20.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền có viết giấy vay cà phê và ký nhận, không hẹn thời gian trả.

7. Ngày 03-12-2016 vợ chồng ông K'B, bà Ka L vay của vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S 30.000.000 đồng, mục đích vay chi tiêu trong gia đình, không thoả thuận lãi suất, không thoả thuận thời hạn trả. Sau khi nhận tiền có viết giấy và ký nhận.

8. Ngày 23-12-2016 vợ chồng ông K'B, bà Ka L vay của vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S 200 kg cà phê Robusta nhân khô trị giá 8.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền có viết giấy và ký nhận, không hẹn thời gian trả.

Yêu cầu vợ chồng ông K'B, bà Ka L và bà Ka D trả số cà phê nhân đã vay bằng số tiền thực tế đã nhận và được quy đổi giá trị bằng tiền tại thời điểm vay cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S như sau:

1/ Yêu cầu vợ chồng ông K'B, bà Ka L và bà Ka D cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền vay 80.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Theo phần vợ chồng ông K'B, bà Ka L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền 40.000.000 đồng, phần bà Ka D có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền 40.000.000 đồng.

2/ Yêu cầu vợ chồng ông K'B, bà Ka L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền vay 348.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Chứng cứ chứng minh: Giấy vay tiền ngày 24-11-2016, Giấy vay cà phê nhân ngày 24-11-2016, Giấy vay tiền ngày 25-11-2016, Giấy vay cà phê nhân ngày 29-11-2016, Giấy vay tiền ngày 01-12-2016, Giấy vay cà phê nhân ngày 01-12-2016, Giấy vay tiền ngày 03-12-2016, Giấy vay cà phê nhân ngày 23-12-2016.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn vợ chồng ông K'B, bà Ka L và bà Ka D đều đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, điều này cho thấy bị đơn tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh tại khoản 4 của Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Đại điện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S. Buộc vợ chồng ông K'B, bà Ka L và bà Ka D cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền vay 80.000.000 đồng, theo phần vợ chồng ông K'B, bà Ka L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền 40.000.000 đồng, phần bà Ka D có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền 40.000.000 đồng và vợ chồng ông K'B, bà Ka L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền vay 348.000.000 đồng. Buộc đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự với vợ chồng ông K'B, bà Ka L và bà Ka D. Vợ chồng ông K'B, bà Ka L và bà Ka D hiện đang cư trú tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Tại phiên tòa vợ chồng ông K'B, bà Ka L và bà Ka D đều đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Ông Đinh Văn Sơn vắng mặt, nguyên đơn yêu cầu tiếp tục xét xử vụ án. Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh và Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Sơn, vợ chồng ông K'B, bà Ka L và bà Ka D.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S yêu cầu vợ chồng ông K'B, bà Ka L và bà Ka D cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền vay 80.000.000 đồng và yêu cầu vợ chồng ông K'B, bà Ka L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền vay 348.000.000 đồng, thì thấy trong giấy vay ngày 24-11-2016 vợ chồng ông K'B, bà Ka L, bà Ka D cùng ký và ghi họ tên xác nhận vay của vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S 2.000 kg cà phê nhân Robusta khô trị giá 80.000.000 đồng. Giấy vay tiền ngày 25-11-2016 thì vợ chồng ông K'B, bà Ka L, bà Ka D cùng ký và ghi họ tên xác nhận, tuy nhiên nội dung giấy vay tiền là vợ chồng K'B, bà Ka L vay của vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay trả nợ ngân hàng, bà Ka D không vay khoản tiền này và vào ngày 23-12-2016 vợ chồng ông K'B, bà Ka L vay của vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S 200 kg cà phê Robusta nhân khô trị giá 8.000.000 đồng, sau khi nhận tiền vợ chồng ông K'B, bà Ka L, bà Ka Luyn đều ký và ghi họ tên, tuy nhiên nội dung giấy vay tiền là vợ chồng K'B, bà Ka L vay của vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S, bà Ka Luyn không vay. Còn các ngày 24-11-2016 vợ chồng ông K'B, bà Ka L vay của vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 29-11-2016 vợ chồng ông K'B, bà Ka L vay của vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S 1.000 kg cà phê nhân Robusta khô trị giá 40.000.000 đồng; Ngày 01-12-2016 vợ chồng ông K'B, bà Ka L vay của vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 01-12-2016 vợ chồng ông K'B, bà Ka L vay của vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S 500 kg cà phê Robusta nhân khô trị giá 20.000.000 đồng; Ngày 03-12-2016 vợ chồng ông K'B, bà Ka L vay của vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S 30.000.000 đồng thì vợ chồng ông K'B, bà Ka L đều ký tên và ghi họ tên xác nhận vay tiền. Tại phiên tòa vợ chồng ông Sang, bà Sanh yêu cầu trả bằng tiền theo giá ghi trong giấy vay là 40.000 đồng/kg, không yêu cầu tiền lãi là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với vợ chồng ông K'B, bà Ka L và bà Ka D là có cơ sở, cần áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc vợ chồng ông K'B, bà Ka L và bà Ka D cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền vay 80.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Theo phần vợ chồng ông K'B, bà Ka L cùng có nghĩa vụ liên

đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền 40.000.000 đồng, phần bà Ka D có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền 40.000.000 đồng và buộc vợ chồng ông K'B, bà Ka L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền vay 348.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S.

1.1. Buộc vợ chồng ông K'B, bà Ka L và bà Ka D cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền vay 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*). Theo phần vợ chồng ông K'B, bà Ka L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền 40.000.000 đồng, phần bà Ka D có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền 40.000.000 đồng.

1.2. Buộc vợ chồng ông K'B, bà Ka L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền vay 348.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Buộc bà Ka D phải chịu án phí dân sư sơ thẩm là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*)

Buộc vợ chồng ông K'B, bà Ka L cùng phải chịu án phí dân sư sơ thẩm là 19.400.000 đồng (*Mười chín triệu bốn trăm nghìn đồng*)

Hoàn trả vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền tạm ứng án phí 6.980.000 đồng (*Sáu triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0001872 ngày 28 tháng 12 năm 2020 và 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0005683 ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Ông Đinh Văn S, ông K'B, bà Ka L và bà Ka D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Di Linh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục thi hành án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ; Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ